

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày 15 tháng 3 năm 2024)

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	40	35	
*	Trung tâm Trợ giúp pháp lý NN		23	22	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	23	22	
-	Biên chế giao	Người	23	22	
-	Biên chế có mặt	Người	23	22	
*	Phòng Công chứng số 1				
	Biên chế giao	Người	09	08	
	Biên chế có mặt	Người	08	08	
*	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản				
-	Biên chế giao	Người	08	08	
-	Biên chế có mặt	Người	07	05	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	0	0	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	3.936,00	3.880,156	
1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước	Triệu đồng	2.606,00	2.606,00	
2	Phòng Công chứng số 1		580,00	574,556	
3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản		750,00	699,6	
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên</i>				
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:				
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)				
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)				
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	Triệu đồng	3.054,00	3.054,00	
4.1	<i>Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước:</i>	Triệu đồng	3.054,00	3.054,00	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định):	Triệu đồng	543,600	319,239	
5.1	<i>Phòng Công chứng số 1: Phí Công chứng, chứng thực</i>		543,600	319,239	
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (nếu có):	Triệu đồng			
7.1.	<i>Phòng Công chứng số 1: Thù lao công chứng</i>			110,558	
7.2.	<i>Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (Thù lao đấu giá TS)</i>		720,00	876,25	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)				
8.1	<i>Phòng Công chứng số 1</i>		700,00	622,229	
8.2	<i>Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản</i>		942,00	774,21	
IV	Chi thường xuyên		<u>5.426,00</u>	<u>4.956.729</u>	
*	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước		3.054,00	3.054,00	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	2.606,00	2.606,00	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	399,00	399,00	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		10,00	10,00	
6	Trích khấu hao tài sản cố định				
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)		38,5	38,5	
	- Chi tiền hỗ trợ cho cán bộ đi học		25,00	25,00	
	- Chi khen thưởng		13,5	13,5	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
*	Phòng Công chứng số 1	Triệu đồng	932,000	912,463	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	710,00	705,856	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	1,00	0,445	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Triệu đồng	110,00	103,835	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		30,00	27,458	
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng			
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có): trích 40% làm nguồn cải cách tiền lương	Triệu đồng			
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có) - Chi tiền hỗ trợ cho cán bộ đi học	Triệu đồng	81,00	74,869	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
*	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản		1.662,00	1.280,5	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	940,00	800,5	
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	482,00	413,3	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Triệu đồng	80,00	23,93	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên			5,39	
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng			
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Triệu đồng			
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có) - Chi tiền hỗ trợ cho cán bộ đi học	Triệu đồng	160,00	37,36	
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)				
*	Phòng Công chứng số 1		311,600	139,563	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp		80,00	23,00	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập		160,00	46,507	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi		24,00	18,00	
4	Trích Quỹ khác (nếu có)		47,60		
5	Dư chuyển nguồn sang năm 2024			52,056	
*	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản			369,98	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			5,4	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập			100,9	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi			21,00	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
4	<i>Trích Quỹ khác (nếu có)</i>				
*	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước			103,29	
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng		103,29	
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần		1	
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		0,467	
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		0,374	
B	<i>Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ</i>				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu		<u>3.531,00</u>	<u>3.477,00</u>	
1.1	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước		3.391,00	3.387,00	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Tham gia tổ tụng, truyền thông, phối hợp liên ngành, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và kinh phí CTMTQG))	Triệu đồng	3.391,00	3.387,00	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên			0	
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật			0	
d	Nguồn khác			0	
1.2	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản		100,000	50,00	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (mua sắm trang thiết bị)	Triệu đồng	100,00	50,00	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
1.3	Phòng Công chứng số 1		40,000	40,000	

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (Kinh phí mua sắm trang thiết bị)		40,000	40,000	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác				
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		3.531,00	3.452,00	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		3.531,00	3.452,00	
-	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (<i>Tham gia tổ tụng, truyền thông, phối hợp liên ngành, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và kinh phí CTMTQG</i>)		3.391,00	3.387,00	
-	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (<i>mua sắm, sửa chữa trang thiết bị</i>)		100,00	50,00	
-	Phòng Công chứng số 1 (<i>mua sắm, sửa chữa trang thiết bị</i>)		40,00	15,00	
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên			0	
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật			0	
d	Nguồn khác			0	
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng			
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng				
	Số vốn vay				
	Số đã trả nợ				
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức				
	Số vốn huy động				
	Số đã trả				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nông Thúy Nga

Bàn Thanh Hiền

